

VỀ NHÂN VẬT NGUYỄN ÁNH - GIA LONG

Tống Văn Lợi*

1. Vài nét về Nguyễn Ánh - Gia Long

Nguyễn Ánh sinh ngày 15 tháng 1 năm Nhâm Ngọ (8/2/1762) là con trai thứ 3 của Nguyễn Phúc Luân và Nguyễn Thị Hoàn. Nguyễn Ánh có tên húy là Chung, Noãn. Sinh trưởng trong một giai đoạn lịch sử Việt Nam nhiều biến động đã tác động rất lớn đến nhận thức và hành động của Nguyễn Ánh.

Đàng Trong thời chúa Nguyễn Phúc Thuần lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Nhiều cuộc khởi nghĩa bùng nổ, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ tổ chức, lãnh đạo ngày càng phát triển mạnh mẽ, làm lung lay nền thống trị của chính quyền chúa Nguyễn. Nhân cơ hội đó, chúa Trịnh Sâm cử Hoàng Ngũ Phúc tấn công Đàng Trong. Tháng 1 năm Ất Mùi (1775), quân Trịnh chiếm Phú Xuân - thủ phủ của chính quyền Đàng Trong. Định vương Nguyễn Phúc Thuần đem gia quyến và của cải lên thuyền chạy vào Gia Định. Nguyễn Ánh khi đó 13 tuổi đi theo, được phong chức Chương sử, coi quân Tả đực và dự bàn việc quân.

Diễn biến lịch sử có tính chất bước ngoặt đối với cuộc đời Nguyễn Ánh là chiến dịch tấn công Gia Định lần thứ nhất (từ tháng 4 đến tháng 10 năm



Tượng vua Gia Long thờ tại đền Nam Phương Linh Từ, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp. Ảnh: Đặng Ngọc Thi

Đinh Dậu -1777) do Nguyễn Huệ chỉ huy đã đập tan chính quyền chúa Nguyễn. Quân chúa Nguyễn bị thất bại nặng nề. Nhiều tướng lĩnh tử trận, Thái Thượng Vương Nguyễn Phúc Thuần, Tản Chính Vương Nguyễn Phúc Dương và Tôn Thất Đồng (anh ruột Nguyễn Ánh) đều bị quân Tây Sơn giết chết (tháng 10 năm Đinh Dậu-1777). Nguyễn Ánh khi đó 15 tuổi chạy thoát. Tháng 11 năm Đinh Dậu (1777) Nguyễn Ánh cùng với Đỗ Thanh Nhân và Lê Văn Quân ở Sa Đéc hiệu triệu các tướng sĩ để củng cố lực lượng. Sau khi chiếm được Long Hồ (Vĩnh Long) tháng 12 năm Đinh Dậu (1777) và Sài Gòn tháng 1 năm Mậu Tuất (1778), các tướng lĩnh suy tôn Nguyễn Ánh làm Đại nguyên soái, chính thức thừa nhận Nguyễn Ánh là

thủ lĩnh, đại diện cho thế lực các chúa Nguyễn trong cuộc chiến chống Tây Sơn.

Từ năm 1778 đến năm 1802 là thời kỳ Nguyễn Ánh tổ chức lực lượng chống lại phong trào Tây Sơn và vương triều Tây Sơn. Đây cũng là giai đoạn mà Nguyễn Ánh bộc lộ những hạn chế và tài năng của mình.

Từ tháng 2 năm Mậu Tuất (1778) đến tháng 5 năm Canh Tý (1780), Nguyễn Ánh lần lượt đánh bại quân Tây Sơn và làm chủ Long Hồ (Vĩnh

Long), Sài Gòn, Gia Định (6-1778), Trà Vinh (5-1780). Nguyễn Ánh tích cực tiến hành xây dựng vùng đất Gia Định với mục đích đưa khu vực này trở thành căn cứ, hậu phương vững chắc trong cuộc chiến với Tây Sơn. Lực lượng Nguyễn Ánh từng bước được củng cố, thậm chí còn đủ tiềm lực duy trì quyền bảo hộ Chân Lạp (tháng 8 năm Kỷ Hợi-1779). Tháng 2 năm Canh Tý (1780), Nguyễn Ánh xưng vương, khi đó 18 tuổi.

Mặc dù trong giai đoạn xây dựng lực lượng nhưng nội bộ tướng lĩnh của Nguyễn Ánh xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Điểm điểm là sự kiện Nguyễn Ánh giết thủ lĩnh quân Đông Sơn là Đỗ Thanh Nhân (tháng 3 năm Tân Sửu-1781) khiến quân Đông Sơn bất mãn, nổi dậy chống lại (tháng 5 nhuận năm Tân Sửu - 1781). Tuy nhiên, Nguyễn Ánh đã xây dựng được một lực lượng đông đảo với 3 vạn quân sĩ, 80 chiếc thuyền đi biển, 3 chiếc thuyền chiến lớn, 2 chiếc tàu Tây và còn chủ động dự tính tấn công Tây Sơn⁽¹⁾.

Trong 2 năm 1782, 1783, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ tấn công vào Gia Định. Nguyễn Ánh bị đánh bại. Tháng 3 năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn Ánh đến Vọng Các (Bangkok, Thái Lan) cầu cứu vua Xiêm cho quân cứu viện. Vua Xiêm cử Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem 5 vạn quân và 300 chiến thuyền sang giúp Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn, khôi phục Gia Định. Tháng 7 năm 1784, quân Xiêm tràn vào vùng Gia Định, thả sức cướp bóc nhân dân Gia Định⁽²⁾. Tháng 12 năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn Huệ dẫn đại quân vào Gia Định, đại phá quân Xiêm tại Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang). Cùng đường, Nguyễn Ánh chạy sang Xiêm, lưu trú ở Vọng Các từ tháng 4 năm Ất Ty (1785) đến tháng 7 năm Đinh Mùi (1787).

Tháng 7 năm Đinh Mùi (1787), Nguyễn Ánh về Gia Định. Đông Định vương Nguyễn Lữ bỏ chạy về Quy Nhơn, để lại Phạm Văn Tham chống đánh Nguyễn Ánh. Một mặt Nguyễn Ánh bao vây tấn công quân Tây Sơn, mặt khác thi hành chính sách lập đồn điền, khai phá vùng đất Nam bộ, khuyến khích phát triển nông nghiệp và giao thương buôn bán. Cũng trong thời gian này, có sự tham gia của người Pháp trong đội quân của Nguyễn Ánh như giám mục Bá Đa Lộc, J.B Chaigneau, Ph. Vannier... Từ Gia Định, Nguyễn Ánh tổ chức các đợt tấn công ra Quy Nhơn do Nguyễn Nhạc kiểm soát. Những mâu thuẫn nội bộ giữa Nguyễn Nhạc với Nguyễn Huệ, sự thành lập ba chính quyền Tây Sơn đã tạo cơ hội cho Nguyễn Ánh chiếm lại Gia Định, rồi sau khi Quang Trung từ trần năm 1792, sự suy yếu nhanh chóng của vương triều Tây Sơn lại tạo cơ hội cho Nguyễn Ánh đánh bại vương triều Thái Đức (1798) và vương triều Quang Toản (1802), kết thúc cục diện chiến tranh.

Năm 1802, vương triều Nguyễn được thành lập, Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là

Gia Long, đặt tên nước là Việt Nam (1804), đóng kinh đô ở Phú Xuân, Huế. Từ năm 1802 đến năm 1820, Gia Long xây dựng và thiết lập bộ máy quản lý đất nước trên một không gian lãnh thổ rộng lớn từ Mục Nam Quan đến Mũi Cà Mau. Đồng thời, chủ quyền biển đảo được vua Gia Long quan tâm quản lý.

Trong cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ánh nổi lên một số vấn đề mà giới sử học đã từng thảo luận. Tôi xin nêu lên từng vấn đề để góp phần trả lời một số tác giả trên Tuần báo Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh..

2. Nguyễn Ánh với việc cầu cứu viện quân từ Xiêm La

Châu Văn Tiếp sau thất bại ở sông Bến Nghé trước quân Tây Sơn vào tháng 2 năm Quý Mão (1783) đã theo đường núi chạy lên địa giới Ai Lao rồi chạy sang Xiêm cầu cứu. Tháng 12 năm Quý Mão (1783), Châu Văn Tiếp gửi thư cùng với sứ giả Xiêm La là Thất Xi Đa mời chúa Nguyễn sang Xiêm để bàn chuyện phục quốc⁽³⁾. Bản thân Nguyễn Ánh luôn phải trốn tránh sự truy đuổi gắt gao của quân Tây Sơn. Chính sử nhà Nguyễn thừa nhận hoàn cảnh long đong của Nguyễn Ánh lúc đó: “Trên bộ thì khiêng kiệu, dưới nước thì buồm chèo, có khi trong thuyền hết lương, đến mấy ngày không được ăn”⁽⁴⁾. Nhận được thư của Châu Văn Tiếp, Nguyễn Ánh đến Long Xuyên họp bàn với tướng Xiêm và đồng ý sang Xiêm cầu viện. Tháng 3 năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn Ánh đến Vọng Các. Tháng 6 năm Giáp Thìn (1784), 2 vạn thủy quân Xiêm với 300 chiến thuyền do Chiêu Tăng và Chiêu Sương chỉ huy theo đường thủy tiến vào lãnh thổ nước ta. Cùng lúc đó, 3 vạn quân bộ do Lục Côn, Sa Uyển và Chiêu Thùy Biện chỉ huy, theo đường Cao Miên tiến xuống⁽⁵⁾. Tổng số quân Xiêm La là 5 vạn quân. Quân thủy đổ bộ lên Kiên Giang, quân bộ theo đường Cao Miên tiến xuống Trán Giang. Liên quân Xiêm - Nguyễn Ánh nhanh chóng đánh bại quân Tây Sơn ở Kiên Giang, Ba Xắc, Trà Ôn, Mân Thút, Sa Đéc. Chiến thắng nhanh chóng trước lực lượng Tây Sơn đang trấn giữ Gia Định khiến Chiêu Tăng và Chiêu Sương tỏ ra chủ quan, khinh địch. Quân Xiêm thả sức cướp bóc. Bản thân Nguyễn Ánh, sau khi nhận thấy quân Xiêm tàn bạo, đã nói rằng “Muốn được nước phải được lòng dân... Nếu được Gia Định mà mất lòng dân thì ta cũng không nở làm. Thà hãy lui quân để đừng làm khổ nhân dân”⁽⁶⁾.

Được tin quân Xiêm tiến vào Gia Định, tháng 12 năm Giáp Thìn (1784) Nguyễn Huệ dẫn đại quân vào Gia Định, phục quân ở sông Mỹ Tho, đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mút (nay thuộc tỉnh Tiền Giang), bày sẵn thế trận. Để làm xiêu lòng quân Xiêm, Nguyễn Huệ cho người đến doanh trại quân Xiêm, dâng tặng lễ vật cầu hòa càng khiến

quân Xiêm chủ quan, khinh địch. Quân Xiêm tiến vào trận địa mai phục, bị quân Tây Sơn tấn công quyết liệt. Liên quân Xiêm - Nguyễn bị đập tan. Chiêu Tăng, Chiêu Sương theo đường Chân Lạp chạy thoát về Xiêm, 5 vạn quân Xiêm chỉ còn hơn 1 vạn sống sót. Nguyễn Ánh cũng không khá hơn khi chỉ còn vài trăm quân chạy đi Trấn Giang, sau đó sang Hà Tiên. Thế cùng, Nguyễn Ánh chạy sang Xiêm La nương nhờ cùng với một số quần thần như Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Đức Xuyên...⁽⁷⁾. Tại Xiêm, Nguyễn Ánh và bầy tôi thân tín ra ngoại thành Vọng Các làm đồn điền để tự nuôi quân. Tháng 2 năm Bình Ngô (1786), vì có công giúp Xiêm La đánh thắng Miến Điện nên vua Xiêm La tiếp tục muốn giúp quân cho Nguyễn Ánh thu phục lại Gia Định. Rút kinh nghiệm lần trước, Nguyễn Ánh không đồng ý bởi Nguyễn Văn Thành khuyên rằng “Nếu mượn người ngoài giúp, đưa Di Địch vào trong tâm phúc thì sợ để lo về sau. Không bằng cứ yên tĩnh để chờ cơ hội là hơn”⁽⁸⁾. Nguyễn Ánh tán đồng với lời bàn của Nguyễn Văn Thành, vì vậy lời đề nghị giúp đỡ của vua Xiêm không được thực thi.

Hành động cầu viện từ Xiêm La để mưu đồ khôi phục lại quyền lực của một chính quyền, dù dưới bất kỳ hình thức nào là không thể biện hộ cho Nguyễn Ánh. Trong lịch sử, nhà Mạc sau khi bị Trịnh Tùng đánh bại phải chạy lên Cao Bằng, long đong lặn lội tìm đủ mọi phương sách để khôi phục, nhưng việc nhờ ngoại bang không bao giờ xảy ra. Bởi như lời Phò mã đô úy thái phó Đà quốc công Mạc Ngọc Liên khuyên Mạc Kính Cung rằng: “Nay khi vận nhà Mạc đã hết, họ Lê lại phục hưng, đó là số trời. Dân ta là dân vô tội mà để phải mắc nạn binh đao, sao lại nhờ thế! Bọn ta nên tránh ra ở nước khác, chứa nuôi uy sức, chịu khuất đợi thời, xem khi nào mệnh trời trở lại mới có thể làm được. Rất không nên lấy sức chọi sức, hai con hổ tranh nhau tất có một con bị thương, không được việc gì. Nếu thấy quân họ đến thì ta nên tránh, chớ có đánh nhau, nên cẩn thận mà giữ là hơn. Lại chớ nên mời người Minh vào trong nước ta mà để dân ta phải lâm than đau khổ, đó cũng là tội lớn không gì nặng bằng”⁽⁹⁾.

Rõ ràng hành động cầu cứu và dẫn đường đưa quân Xiêm vào xâm chiếm một phần đất Gia Định là một sai lầm nghiêm trọng, một tội lỗi của Nguyễn Ánh. Không một nhà sử học nào biện hộ hay bào chữa cho Nguyễn Ánh về việc này, chỉ khi xem xét toàn bộ sự nghiệp thì cần cân nhắc công và tội thế nào cho thỏa đáng.

3. Nguyễn Ánh - Gia Long với người Pháp

Những tiếp xúc đầu tiên của Nguyễn Ánh với người Pháp được bộ chính sử *Đại Nam thực lục* của nhà Nguyễn ghi lại là sự kiện tháng 3 năm Nhâm Dần (1782) khi Nguyễn Nhạc và Nguyễn

Huệ tấn công Gia Định lần thứ 2. Trong trận thủy chiến ở Ngã Bảy (Thất kỳ giang, thuộc Biên Hòa), quân chúa Nguyễn thua to, “một mình cai cơ Mạn Hòe đi tàu Tây cố sức đánh rất lâu... Mạn Hòe bị chết”⁽¹⁰⁾. Các số liệu thống kê cho biết có khoảng tám 20 đến 30 người là sĩ quan hoặc cha cố tham gia giúp Nguyễn Ánh. Theo H.Cosserat, có 18 người Pháp tham gia giúp Nguyễn Ánh⁽¹¹⁾. Tuy nhiên, vấn đề quan hệ với người Pháp của Nguyễn Ánh tập trung ở Hiệp ước Versailles và thái độ, cách ứng xử của Nguyễn Ánh - Gia Long với những người Pháp đã tham gia giúp mình.

3.1. Nguyễn Ánh với Hiệp ước Versailles

Tháng 7 năm Quý Mão (1783), Nguyễn Ánh cho mời Bá Đa Lộc (Pigneau de Behaine)⁽¹²⁾, lúc này đang ở Chan Bôn (Chantabun, Xiêm La) về Gia Định. Nguyễn Ánh chính thức nhờ Bá Đa Lộc “Khanh (chỉ Bá Đa Lộc) có thể vì ta đi sứ sang Đại Tây (tức nước Pháp), nhờ đem quân sang giúp ta được không?”⁽¹³⁾. Bá Đa Lộc đồng ý. Nguyễn Ánh giao hoàng tử Cảnh, lúc này mới 4 tuổi làm tin để đi sang Pháp cầu viện. Tháng Giêng năm Ất Ty (1785), Bá Đa Lộc và hoàng tử Cảnh đến Pondichéry (thuộc địa của Pháp ở Ấn Độ), tháng 6 năm Bình Ngô (1786) đến Pháp⁽¹⁴⁾. Ngày 28-11-1787, Bá Đa Lộc ký với Bộ trưởng Bộ ngoại giao Pháp de Montmorin bản Hiệp ước Versailles. Hiệp ước gồm 10 điểm, theo đó chính phủ Pháp sẽ giúp cho Nguyễn Ánh 4 tàu chiến, 1600 quân với đầy đủ vũ khí. Đổi lại, Nguyễn Ánh phải nhượng hẳn chủ quyền cho Pháp cảng Hội An - Touron (Đà Nẵng), đảo Côn Lôn, cho người Pháp tự do buôn bán trên toàn bộ lãnh thổ...⁽¹⁵⁾. Hiệp ước được giao cho Tổng trấn Pondichéry là Bá tước Thomas De Conway thực hiện.

Tuy nhiên, việc thực hiện Hiệp ước không được chính phủ Pháp tuân thủ, bởi những khó khăn trong nội bộ nước Pháp. Bản phúc trình của Bộ trưởng Bộ hải quân de La Luzerne lên vua Louis XVI ngày 16-11-1788 kèm theo chữ ký và câu chuẩn y của vua Louis “ra lệnh cho ông de Conway bãi bỏ việc thôn tính Nam Hà”. Việc hủy bỏ cam kết giúp đỡ về mặt quân đội, tàu chiến theo Hiệp ước Versailles được Bộ trưởng Bộ hải quân de La Luzerne thông báo đến Bá Đa Lộc vào ngày 16/4/1789 rằng: “Báo tin cuộc viễn chinh đã bãi bỏ”⁽¹⁶⁾. Ghi chép đương thời của chính những người Pháp tham gia trong đội quân của Nguyễn Ánh cũng xác nhận Hiệp ước không được thực hiện⁽¹⁷⁾.

Ngày 14-7-1789, tức là chỉ sau 8 tháng khi Hiệp ước bị bãi bỏ, cuộc cách mạng tư sản Pháp bùng nổ, lật đổ chính quyền vua Louis XVI, và do đó, chính quyền của vua Louis XVI càng không có điều kiện để thực hiện Hiệp ước.

Không nhận được sự giúp đỡ từ chính phủ Pháp theo như Hiệp ước, để thực hiện lời gửi gắm của Nguyễn Ánh, Bá Đa Lộc kêu gọi sự quyên góp từ

các thương gia muốn đặt cơ sở buôn bán ở Đại Việt cùng với số tiền của cá nhân. Bá Đa Lộc mộ được một đội lính đánh thuê đến giúp Nguyễn Ánh. Các hoạt động giúp đỡ Nguyễn Ánh của Bá Đa Lộc không phải là việc thực thi Hiệp ước Versailles giữa chính quyền Pháp với chính quyền Nguyễn Ánh mà chỉ là hành động tự nguyện của một nhóm người theo sự vận động, tổ chức của cá nhân Bá Đa Lộc.

Hiệp ước Versailles không được thực hiện nhưng là một sai lầm của Nguyễn Ánh khi tiếp tục muốn dựa vào thế lực bên ngoài để mưu đồ giành quyền thống trị, đánh bại phong trào Tây Sơn. Hiệp ước Versailles là cái cớ để người Pháp sau đó là chính phủ Pháp luôn dùng để làm áp lực với Nguyễn Ánh và vương triều Nguyễn.

3.2. Thái độ, ứng xử của Nguyễn Ánh - Gia Long với những người Pháp

Một thực tế là trong cuộc chiến giữa Nguyễn Ánh với phong trào Tây Sơn có sự tham gia của một nhóm người Pháp, khoảng từ 20 đến 30 người. Nổi bật trong số những người Pháp này là Bá Đa Lộc, Théodore Le Brun, J.B.Chaigneau (Nguyễn Văn Thắng), Vannier (Nguyễn Văn Chấn), De Forçant (Lê Văn Lăng), Olivier de Puymanel... Những người này giúp Nguyễn Ánh huấn luyện quân đội, vận chuyển lương thực và có tham gia trực tiếp một số trận đánh lớn giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn (De Forçant tham gia trận Thị Nại năm 1801, trận Đà Nẵng và Phú Xuân; Olivier de Puymanel tham gia trận Diên Khánh năm 1794...).

Théodore Le Brun được phong chức Khâm sai Cai đội vào tháng 6-1790 với nhiệm vụ phụ trách cai quản thành lũy, nhưng trong thực tế, Le Brun không phải là người có thực tài, không hoàn thành nhiệm vụ nên phải bỏ đi.

Jean-Marie Dayot (1759-1809) được phong chức Khâm sai Cai đội tháng 6 năm 1790, được giao nhiệm vụ mang gạo ở Đàng Trong bán cho Macao, chuyên chở lương thực phục vụ cho quân đội Nguyễn Ánh. Một nhiệm vụ nữa mà Dayot được giao là vẽ bản đồ bờ biển nhưng toàn bộ số bản đồ này được giao về Pháp. Những bản đồ do Dayot vẽ sau này được quân Pháp sử dụng để đánh chiếm Việt Nam năm 1858.

Olivier de Puymanel (1768-1799) đã mua vũ khí của nước ngoài và giúp chế tạo vũ khí cho Nguyễn Ánh trong cuộc chiến chống Tây Sơn. Năm 1793, Puymanel tham dự cuộc tấn công Quy Nhơn trong đoàn quân của Nguyễn Ánh, tham dự trận đánh thành Diên Khánh năm 1794.

J.B.Chaigneau (tên tiếng Việt là Nguyễn Văn Thắng) sinh ngày 27-8-1769 tại Plumegrat (Morbihan), mất ngày 31-1-1832⁽¹⁸⁾. Tháng 6-1790, Chaigneau được phong chức Khâm sai Chương cơ, Thắng Toàn hầu, chỉ huy tầu đồng Long Phi⁽¹⁹⁾.

Ph.Vannier (tên tiếng Việt là Nguyễn Văn Chấn)⁽²⁰⁾ sinh ngày 6-2-1762 tại Locmariaquer, mất ngày 6-6-1842 tại Lorient⁽²¹⁾... Vannier là nhân viên trên tàu Pháp, được Nguyễn Ánh phong chức Cai đội tháng 6-1790. Năm 1800, Vannier được giao nhiệm vụ cai quản tàu Phương Phi. Vannier giúp Nguyễn Ánh phụ trách tải lương thực. Vannier được phong chức Chương cơ năm 1824.

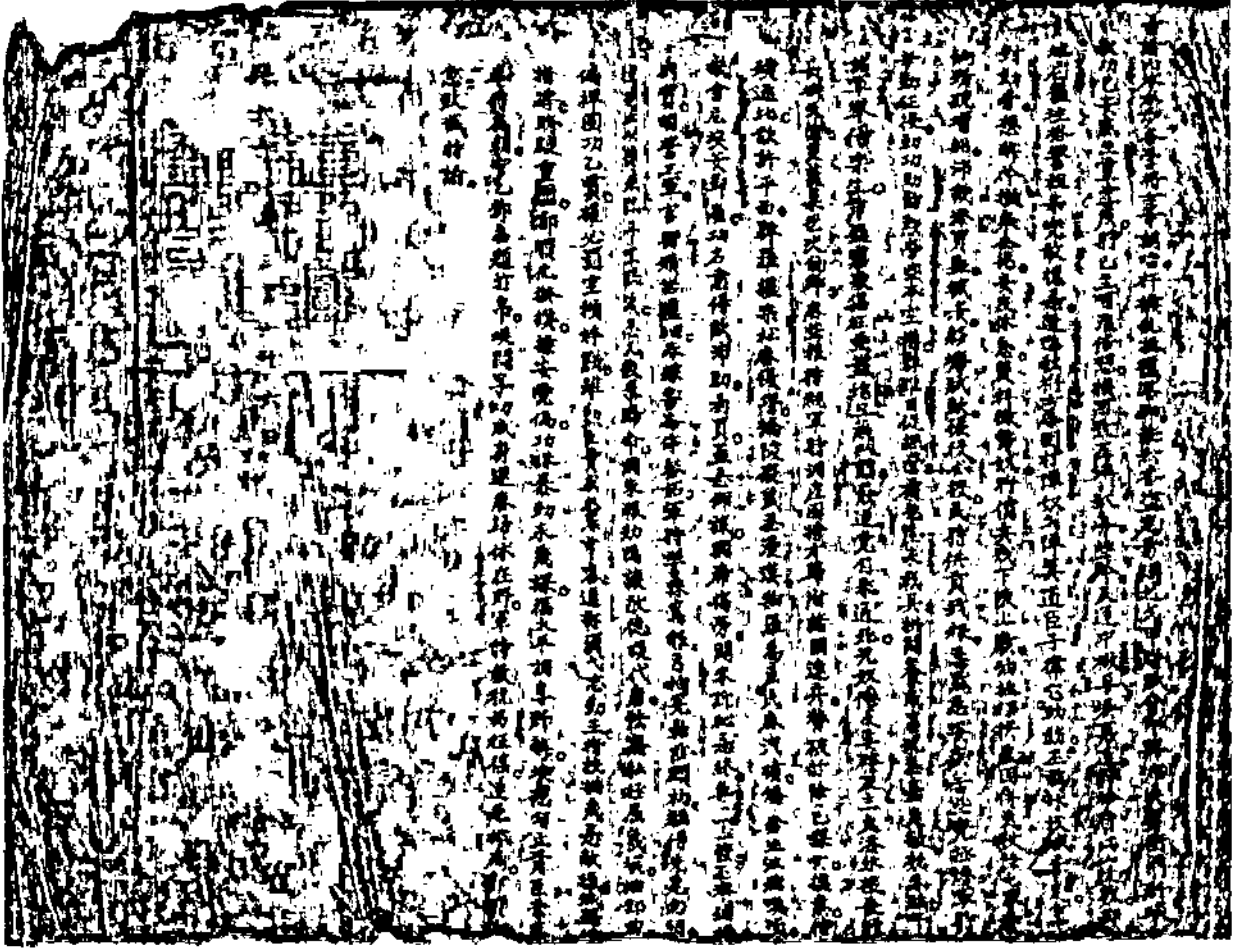
Trong những người Pháp giúp Nguyễn Ánh, trừ trường hợp Bá Đa Lộc, còn lại các trường hợp khác đều tham gia nhiều ít, chủ yếu giúp Nguyễn Ánh về kỹ thuật như chế tạo vũ khí, mua vũ khí, vận chuyển lương thực. Thậm chí có người phạm tội phải bỏ trốn như trường hợp của Le Brun. Những sĩ quan này (như họ tự nhận) trong thực tế đều chết trong cuộc chiến giữa Nguyễn Ánh và vương triều Tây Sơn. Chỉ duy nhất hai trường hợp là J.B.Chaigneau và Ph. Vannier là còn phục vụ đến thời vua Minh Mệnh (1820-1840) nhưng không thật sự có vai trò quan trọng. Thái độ của Nguyễn Ánh với những người Pháp đã tham gia giúp mình theo truyền thống có công thì thưởng, có tội thì phạt và hầu như không cho họ tham gia các vấn đề lớn, có tính chất trọng đại. Thậm chí, trường hợp Bá Đa Lộc, sau khi thất bại trong việc cầu viện Pháp còn bị Trần Đại Luật dâng sớ xin chém đầu (năm 1795) nhưng thoát chết vì Nguyễn Ánh cho rằng “nay đánh đông dẹp tây, về việc dùng người là việc rất cần, kẻ dối trá và ngu cũng nên dùng, không nên tỏ cho người biết là hẹp hòi, tạm hãy để đó”⁽²²⁾. Hay như trường hợp Dayot làm đắm tàu, sợ bị trị tội nên phải bỏ trốn ra Vũng Tàu, lên thuyền của Olivier de Puymanel bỏ trốn sang Philippin vào tháng 4-1795...

Số người Pháp giúp Nguyễn Ánh không nhiều, có một số đóng góp nhất định trong huấn luyện binh sĩ, đóng tàu, xây dựng thành lũy, đo đạc hải trình, mua bán vũ khí, lương thực..., nhưng hoàn toàn không có vai trò quan trọng chưa nói là định đoạt trong cuộc chiến giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn. Hơn nữa Nguyễn Ánh nắm quyền kiểm soát số người Pháp này, không cho họ thao túng những vấn đề quốc gia đại sự.

4. Nguyễn Ánh - Gia Long với vương triều Tây Sơn

4.1 Cho đến năm 1792, cuộc đấu tranh giữa phong trào Tây Sơn, vương triều Tây Sơn với chính quyền chúa Nguyễn, Nguyễn Ánh là cuộc đấu tranh giữa một bên đại diện cho dân chúng, tiến bộ với một chính quyền phong kiến suy thoái, mất lòng dân.

Năm 1771, Nguyễn Nhạc chuẩn bị khởi nghĩa ở Tây Sơn thượng đạo và năm 1773 bắt đầu tiến xuống hạ đạo. Phong trào Tây Sơn bùng nổ và ngày càng giành được nhiều thắng lợi. Chiếm được



Chỉ dụ ban cho tướng sĩ của Nguyễn Ánh ở Gia Định năm 1800

Quy Nhơn, nghĩa quân nhanh chóng giải phóng Quảng Ngãi, Diên Khánh, Bình Thuận trong một thời gian. Đó là thắng lợi mau lẹ của nghĩa quân trước một chính quyền phong kiến với quân đội chính quy, trang bị đầy đủ nhưng đang trên bước đường khủng hoảng. Thắng lợi to lớn của phong trào Tây Sơn, trước hết là nhận được sự ủng hộ của nhân dân, khả năng tổ chức và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của 3 anh em Tây Sơn. Đồng thời nó cũng phản ánh chính quyền chúa Nguyễn vừa mất lòng dân, vừa suy yếu nghiêm trọng.

Sự kiện đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền chúa Nguyễn là năm 1777. Đợt tấn công Gia Định lần thứ nhất (từ tháng 4 đến tháng 10 năm Đinh Dậu - 1777) do Nguyễn Huệ chỉ huy đã đánh bại hoàn toàn quân đội và chính quyền chúa Nguyễn. Định vương Nguyễn Phúc Thuần và nhiều tướng lĩnh, quan lại cao cấp bị giết chết hoặc buộc phải tự sát. Thời gian sau đó, nghĩa quân Tây Sơn còn nhiều lần tổ chức tấn công vào Gia Định để trấn áp các thế lực chúa Nguyễn. Lần nào quân Nguyễn Ánh cũng bị thất bại nặng nề, phải bỏ chạy khắp nơi. Cùng đường, Nguyễn Ánh sang Xiêm La cầu cứu vua Xiêm năm 1784 và cuộc xâm lược của quân Xiêm bị quân Tây Sơn đập

tan đầu năm 1785. Từ một cuộc khởi nghĩa lật đổ chính quyền phong kiến chúa Nguyễn, phong trào Tây Sơn đã vươn lên làm nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc, bảo vệ vùng đất phía Nam của đất nước.

Năm 1786, sau khi chiếm được Phú Xuân, Nguyễn Huệ giương cao ngọn cờ "Phù Lê diệt Trịnh", tiến ra Đàng Ngoài, lật đổ hoàn toàn chính quyền của chúa Trịnh, giao quyền lại cho vua Lê rồi rút về Phú Xuân. Tuy nhiên, Lê Chiêu Thống không đủ sức kiểm soát, dẫn đến con cháu chúa Trịnh là Trịnh Lệ, Trịnh Bồng liên tục uy hiếp triều đình. Lê Chiêu Thống phải dựa vào Nguyễn Hữu Chỉnh để bảo vệ ngôi vua, nhưng Nguyễn Hữu Chỉnh cũng nhanh chóng chuyển quyền. Nguyễn Huệ phái Vũ Văn Nhậm kéo ra Bắc, giết chết Nguyễn Hữu Chỉnh. Phát hiện Vũ Văn Nhậm có ý phản trắc, Nguyễn Huệ lại kéo đại quân ra Bắc, bắt giết Vũ Văn Nhậm, lật đổ hoàn toàn chính quyền Lê Chiêu Thống. Cùng đường, Lê Chiêu Thống sang cầu viện nhà Thanh.

Dưới thời vua Thanh Cao Tông (Càn Long, 1735-1796) đế chế Mãn Thanh phát triển đến độ cực thịnh và trở thành đế chế mạnh nhất phương Đông. Lợi dụng sự cầu cứu của Lê Chiêu Thống, nhà Thanh đã mở cuộc viễn chinh xâm lược Đại

Việt. Quân Thanh đã chiếm được kinh thành Thăng Long sau khi quân Tây Sơn rút về Tam Điệp - Biện Sơn. Được tin cấp báo, tại Phú Xuân, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu Quang Trung rồi xuất quân tiến ra Bắc. Bằng một chiến dịch thần tốc trong 5 ngày đêm, quân Tây Sơn do Quang Trung thống lĩnh đã lập nên chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa, đại phá quân xâm lược Thanh. Một lần nữa, phong trào Tây Sơn vươn lên đảm nhận sứ mệnh dân tộc, bảo vệ tổ quốc trước nạn ngoại xâm.

Trên cơ sở phát triển và thắng lợi của phong trào Tây Sơn, vương triều Tây Sơn đã dần dần thành lập. Vương triều đó gồm ba chính quyền: Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc đóng đô ở thành Hoàng Đế (hay thành Quy Nhơn), Bắc Bình Vương rồi Hoàng đế Quang Trung đóng đô ở Phú Xuân và Đông Định Vương Nguyễn Lữ cai quản vùng Gia Định (Nam bộ). Trong vương triều Tây Sơn, vương triều Quang Trung là tiến bộ nhất và có nhiều cống hiến cho sự phát triển của đất nước. Quang Trung đã nhanh chóng lập lại quan hệ hòa hiếu với nhà Thanh, thực thi nhiều chính sách củng cố chính quyền, phục hồi nông nghiệp, phát triển công thương nghiệp, phát triển văn hóa giáo dục, kiên quyết trấn áp các thế lực chống đối.

Trong lúc đó, Nguyễn Ánh cũng về chiếm lại Gia Định và từng bước xây dựng lực lượng, chờ cơ hội khôi phục lại chính quyền chúa Nguyễn. Sau hơn 2 năm tạm trú ở Xiêm (từ tháng 4 năm Ất Ty (1785) đến tháng 7 năm Đinh Mùi - 1787), Nguyễn Ánh trở về Gia Định. Đông Định vương Nguyễn Lữ bỏ chạy về Quy Nhơn, để lại Phạm Văn Tham một mình chống Nguyễn Ánh. Tháng 8 năm Mậu Thân (1788), Nguyễn Ánh chiếm lại thành Gia Định, chấm dứt giai đoạn lưu vong. Từ Gia Định, Nguyễn Ánh tổ chức chính quyền, lập đồn điền để tự túc lương thực, rèn luyện binh sĩ... Từ năm 1790, Nguyễn Ánh bắt đầu tấn công ra Bình Thuận thuộc đất cai quản của Nguyễn Nhạc, nhưng bị quân Tây Sơn phản công, phải rút lui. Nguyễn Ánh chuyển sang lợi dụng gió mùa, cho thủy quân đánh phá vùng ven biển Bình Thuận, Diên Khánh nhằm quấy rối và tiêu hao lực lượng Tây Sơn. Giữa năm 1792, Nguyễn Ánh bí mật đánh úp cửa Thi Nai, khiến Nguyễn Nhạc thiệt hại nặng nề.

Quang Trung nhận thấy thế lực Nguyễn Ánh đã lớn mạnh, không chỉ uy hiếp Nguyễn Nhạc mà còn đe dọa sự tồn tại của vương triều Tây Sơn nói chung. Vì vậy năm 1792, Quang Trung đã có kế hoạch điều động khoảng vài ba chục vạn quân, phối hợp với Nguyễn Nhạc, mở cuộc tấn công lớn, bao vây và tiêu diệt toàn bộ lực lượng của Nguyễn Ánh⁽²³⁾. Quang Trung đã truyền hịch gửi quan lại, quân dân hai phủ Quảng Ngãi và Quy Nhơn, kêu gọi dân chúng hưởng ứng cuộc tấn công⁽²⁴⁾. Nếu kế

hoạch tấn công này được thực hiện thì chắc chắn Nguyễn Ánh khó lòng chống đỡ và cục diện đất nước sẽ thay đổi hoàn toàn. Tờ hịch đề ngày 10 tháng 7 năm Quang Trung thứ 5 tức ngày 27-8-1792. Nhưng kế hoạch chưa kịp thực hiện thì ngày 29 tháng 7 năm Quang Trung thứ 5 tức ngày 15-9-1792, Quang Trung đã từ trần. Sau cái chết của vua Quang Trung, vương triều Tây Sơn suy yếu nhanh chóng và quan hệ giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh có nhiều chuyển biến.

Cuộc đấu tranh giữa Tây Sơn với chúa Nguyễn Phúc Thuần và Nguyễn Phúc Dương cho đến năm 1777 là cuộc đấu tranh của khởi nghĩa Tây Sơn chống lại một vương triều suy thoái. Từ năm 1777, Nguyễn Ánh tiếp nối cuộc đấu tranh đó chống lại Tây Sơn. Sau khi vương triều Tây Sơn thành lập, đó là cuộc đấu tranh giữa hai thế lực phong kiến mà vương triều Tây Sơn, đặc biệt vương triều Quang Trung, là vương triều tiến bộ.

4.2. Sau năm 1792, cục diện giữa Nguyễn Ánh và vương triều Nguyễn Nhạc, vương triều Quang Toàn đã có những thay đổi về tính chất và quan hệ với dân chúng. Vương triều Tây Sơn suy yếu và mất lòng dân, Nguyễn Ánh càng ngày càng mạnh và càng thu phục được lòng dân.

Quang Trung qua đời, con là Quang Toàn 9 tuổi lên nối ngôi, đặt niên hiệu là Cảnh Thịnh. Tuy nhiên, giữa Quang Toàn với Nguyễn Nhạc lại nảy sinh mâu thuẫn mới không thể điều hòa như việc Quang Toàn không cho Nguyễn Nhạc ra viếng Quang Trung. Thậm chí, năm 1793, khi Nguyễn Nhạc cầu cứu Quang Toàn giải vây Quy Nhơn khỏi Nguyễn Ánh thì Thái úy Phạm Quang Hưng do Quang Toàn phái đi đã chiếm luôn thành, khiến Nguyễn Nhạc uất ức mà chết⁽²⁵⁾...

Trong nội bộ vương triều Quang Toàn cũng nảy sinh nhiều mâu thuẫn và xung đột. Thái sư Bùi Đắc Tuyên là cậu của Quang Toàn có nhiều hành động lạm quyền, gây ra sự bất bình trong đội ngũ tướng lĩnh. Vũ Văn Dũng, Trần Văn Kỳ, Nguyễn Văn Hưng và Nguyễn Văn Huấn lập mưu giết cha con Bùi Đắc Tuyên và Bùi Đắc Thuận. Ngô Văn Sở cũng bị giết (1795). Trần Quang Diệu đang chống đánh Nguyễn Ánh ở Quy Nhơn phải rút quân về Phú Xuân để ứng phó với tình hình.

Từ tháng 9-1795, vương triều Quang Toàn chiếm giữ vùng đất từ Quy Nhơn ra Bắc, từ Bình Khang (Khánh Hòa) trở vào Nam do Nguyễn Ánh kiểm soát. Con Nguyễn Nhạc là Nguyễn Bảo chỉ được phong Hiếu công, đặt dưới sự kiểm soát của Quang Toàn. Tháng 7 năm Mậu Ngọ (1798), Nguyễn Ánh cho người đến Quy Nhơn dụ hàng Nguyễn Bảo buộc Quang Toàn cho quân vây thành Quy Nhơn, bắt Nguyễn Bảo và giết đi. Quang Toàn tiếp tục sai bắt giết Tư lệ Lê Trung, Thiếu bảo Nguyễn Văn Huấn... Hành động của

Quang Toàn khiến nhiều tướng lĩnh bất an, chạy sang đầu hàng Nguyễn Ánh như Lê Chất là con Lê Trung, Đại đô đốc Võ Đình Giai, Nguyễn Văn Diễm, Đô đốc Lê Văn Niệm, Hồ Văn Viện⁽²⁶⁾... Quân Tây Sơn thiệt hại nặng nề.

Trận đánh lớn, quyết định sức mạnh giữa hai bên là trận Quy Nhơn kéo dài từ tháng 3 năm Mậu Ngọ (1798) đến tháng 1 năm Tân Dậu (1801). Đặc biệt là trận chiến Thi Nại tháng 1 năm Tân Dậu (1801) đã khiến quân Tây Sơn tổn thất nặng nề, không thể phục hồi, đánh dấu bước phát triển lớn mạnh của Nguyễn Ánh. Tháng 6 năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Ánh chiếm được Thăng Long, sau đó tổ chức hành hình cực kỳ tàn bạo các vua và tướng lĩnh cao cấp của Tây Sơn tại kinh đô Phú Xuân. Cuộc chiến giữa Nguyễn Ánh với Tây Sơn đến đây kết thúc với thắng lợi của Nguyễn Ánh.

Sự thất bại cuối cùng của Tây Sơn không phải là sự thất bại của phong trào Tây Sơn hay vương triều Tây Sơn tiến bộ mà là sự thất bại của vương triều Quang Toàn đã thoái hóa và mất lòng dân. Trong giai đoạn này, Nguyễn Ánh đã tận dụng được sự chia rẽ, suy yếu của Tây Sơn để phát triển thế lực và tranh thủ được sự ủng hộ của dân chúng rồi đánh bại được vương triều Tây Sơn cuối cùng là Quang Toàn.

5. Nguyễn Ánh với công cuộc thống nhất lãnh thổ, xây dựng, tổ chức bộ máy quản lý đất nước

Ngay sau khi giành được đất nước, lãnh thổ quốc gia được đặt dưới sự thống trị cao nhất của vua Gia Long. Bài toán đặt ra với Gia Long là quản lý đất nước trên một phạm vi thống nhất từ Mục Nam Quan tới Mũi Cà Mau. Địa hạt hành chính được tổ chức thành khu vực do chính quyền trung ương trực tiếp quản lý và hai trấn Bắc Thành và Gia Định thành.

Chính quyền trung ương trực tiếp quản lý 4 doanh thuộc kinh kỳ (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam) và 7 trấn (Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên, Bình Khương và Bình Thuận). Phú Xuân - Huế là kinh đô.

Trấn Bắc Thành quản lý 5 nội trấn (Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương) và 6 ngoại trấn (Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Cao Bằng, An Quảng, Hưng Hóa).

Trấn Gia Định Thành quản lý 5 trấn (Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Định Tường, Hà Tiên).

Đứng đầu Trấn Bắc Thành và Gia Định Thành do các quan nhất phẩm cai quản, với chức danh Tổng trấn. Nguyễn Văn Thành là Tổng trấn Bắc Thành (1802), Nguyễn Văn Nhân là Tổng trấn Gia Định Thành (1808) đều là "trọng thần". Miền Bắc được gọi là Bắc Thành, miền Nam là Gia Định Thành. Quyền lực của Tổng trấn Bắc Thành và

Gia Định Thành rất lớn. Giúp việc cho hai chức danh Tổng trấn là 3 ba tào Hộ - Binh - Hình. Ở cấp trấn đặt chức quan Trấn thủ, Hiệp trấn và Tham hiệp. Tổ chức bộ máy hành chính ở cấp trấn và tổng trấn mang nặng tính quân sự²⁷. Dưới trấn là phủ, đứng đầu là Tri phủ. Dưới phủ là huyện, đứng đầu là Tri huyện. Dưới huyện là Tổng do chức Cai tổng đứng đầu. Dưới tổng là xã, đặt chức Lý trưởng.

Tổ chức bộ máy chính quyền trung ương từng bước được hoàn thiện gồm 6 bộ là Lại, Hộ, Binh, Hình, Công, Lễ. Đến năm 1809, Thượng thư 6 bộ được thiết lập trực tiếp chịu trách nhiệm trước vua về lĩnh vực mình phụ trách. Giúp việc cho Thượng thư là Tả, Hữu Tham tri. Bên dưới có các chức Thiêm sự, Câu kê, Cai hợp...

Ngoài 6 bộ với chức trách cụ thể, Gia Long thiết lập một số cơ quan phụ trách công việc chuyên môn như Quốc tử giám, Khâm thiên giám, Thái y viện, Thị thư viện là cơ quan giữ việc văn thư, sổ sách, soạn thảo các văn bản... cho vua.

Một bộ máy tổ chức hành chính tương đối thống nhất, hoàn bị từ trung ương đến địa phương là cơ sở để vua Gia Long duy trì quyền kiểm soát của chính quyền trung ương, đứng đầu là hoàng đế. Tuy nhiên, bộ máy hành chính này mới chỉ là bước đầu, phù hợp với giai đoạn buổi đầu của vương triều Nguyễn, của nước Việt Nam. Tổ chức bộ máy này tiếp tục được cải tổ, hoàn thiện mạnh mẽ vào giai đoạn sau, đặc biệt là dưới sự trị vì của Minh Mệnh (1820-1840) với cuộc cải cách hành chính lớn vào năm 1830-1831.

Tây Sơn đã lật đổ các chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chính quyền vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, đánh tan quân xâm lược Xiêm ở phía Nam và quân xâm lược Thanh ở phía Bắc, đã đặt nền tảng cho việc thống nhất quốc gia. Nhưng phải đến đầu thế kỷ XIX đất nước mới được thống nhất và không thể phủ nhận công lao của Nguyễn Ánh.

6. Nguyễn Ánh - Gia Long với Hoàng Sa - Trường Sa

Tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu là Gia Long thì đến ngày 1 tháng 7 năm Quý Hợi (1803), Gia Long lập đội Hoàng Sa "lấy Cai cơ Võ Văn Phú làm Thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa"⁽²⁸⁾. Việc tái lập đội Hoàng Sa là bước tiếp tục khẳng định quyền kiểm soát của Gia Long với vùng Hoàng Sa, Trường Sa, tiếp nối chỉ hướng của các chúa Nguyễn trước đây. Tư liệu sưu tầm tại đảo Lý Sơn - quê hương của đội Hoàng Sa, khẳng định rằng, ngay sau khi tái lập, đội Hoàng Sa đã đi vào hoạt động. Thậm chí, Cai đội Hoàng Sa vừa phụ trách đội Hoàng Sa, vừa có trách nhiệm tổ chức quản lý cộng đồng cư dân cả ở cửa biển Sa Kỳ và đảo Lý Sơn⁽²⁹⁾. Liên tiếp trong hai năm

1815, 1816, Gia Long cho đội Hoàng Sa ra quần đảo Hoàng Sa để thăm dò đường biển. Nếu như năm 1815, thuyền ra Hoàng Sa chỉ của đội Hoàng Sa thì năm 1816, thủy quân cùng với đội Hoàng Sa tiếp tục ra Hoàng Sa. Nhiệm vụ trọng yếu của hai đợt xuất dương lớn là “thăm dò đường biển”. Việc thu lượm hóa vật trên đảo ít được chú trọng nhưng hoạt động thăm dò đường biển là một hình thức thể hiện chủ quyền biển đảo hơn là tìm kiếm sản vật. Mặt khác, việc thủy quân và đội Hoàng Sa đã liên tục ra ngoài biển khơi thể hiện ý thức về một khả năng viễn dương của hải thuyền nước ta⁽³⁰⁾, và quyền kiểm soát các khu vực biển đảo là do thủy quân chính thức phụ trách. Chính bởi ý thức và việc xác lập về chủ quyền biển đảo được chú trọng nên thuyền buôn một số nước khi đi qua vùng biển này đã vẽ bản đồ dâng lên triều đình. Ví dụ tháng 6 năm Đinh Sửu (1817), thuyền Ma Cao đến Đà Nẵng, đem địa đồ đảo Hoàng Sa dâng lên được vua Gia Long thưởng cho 20 lạng bạc⁽³¹⁾. Chủ quyền của nước Đại Nam thời vua Gia Long đối với quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa tiếp tục được khẳng định trong một số hồi ký của người Pháp đương thời. J.B Chaigneau - một trong những người Pháp tham gia với Nguyễn Ánh trong cuộc chiến với Tây Sơn, ghi lại trong hồi ký của mình: “Vương quốc Cochinchine hiện nay dưới quyền của người có quyền tối thượng mang danh tước hoàng đế, gồm có Cochinchine đúng nghĩa của nó, xứ Bắc kỳ, một phần của vương quốc Cam Bốt, một số hải đảo có người ở xa đất liền và quần đảo Hoàng Sa, gồm có những đảo nhỏ, những đá ngầm và đá nổi không người ở. Năm 1816, vua hiện nay [tức Gia Long] đã xác lập chủ quyền trên quần đảo này”⁽³²⁾. Ghi chép của J.B.Chaigneau được con trai của mình là Michel Đức Chaigneau nhắc lại trong hồi ký⁽³³⁾.

Những cứ liệu trên cho phép xác nhận vua Gia Long rất quan tâm đến việc bảo vệ và thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa. Đặc biệt nhà vua đã nâng cấp công việc quản lý hai quần đảo này lên tầm quốc gia với việc sử dụng thủy binh của triều đình làm lực lượng nòng cốt. Chính sách này tiếp tục được thực thi và đẩy mạnh dưới triều vua Minh Mệnh (1820-1840).

Cuộc đời Nguyễn Ánh - Gia Long hết sức gian truân, nhưng trong gian lao khó khăn đã thể hiện nghị lực phi thường.

Sớm lâm vào cảnh long đong bởi sự sụp đổ không cứu vãn được của chính quyền chúa Nguyễn nhưng Nguyễn Ánh đã thoát khỏi tất cả các cuộc lũng bắt của Tây Sơn³⁴. Để khôi phục quyền lực, Nguyễn Ánh trù tính nhiều phương sách, thậm chí là cầu viện ngoại bang. Bài học rút ra từ sai lầm cầu viện Xiêm La đã khiến Nguyễn Ánh quyết tâm tự xây dựng lực lượng. Tại Gia Định, Nguyễn Ánh thu phục nhân tâm, tổ chức lực lượng, biến

Gia Định thành căn cứ, hậu phương vững chắc trong cuộc chiến chống Tây Sơn.

Đánh bại Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên làm vua, thành lập vương triều Nguyễn. Duy trì quyền quản lý trên một phạm vi lãnh thổ rộng lớn, Gia Long - Nguyễn Ánh bước đầu đã có thành công trong việc thử nghiệm một mô hình quản lý đất nước. Gia Long sử dụng quân đội chính quy để kiểm soát vùng biển đảo xa bờ là Hoàng Sa, Trường Sa, phát triển và nâng cao nền móng cho việc chiếm lĩnh, khai thác vùng biển đảo này.

Đánh giá một nhân vật lịch sử cần phải đặt nhân vật đó trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể và trong toàn bộ sự nghiệp của nhân vật. Sự kiện cầu viện Xiêm La là hành động bị phê phán kịch liệt. Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng đã lên án mạnh mẽ hành vi bán nước của Nguyễn Ánh.

Gia Long lại dấy can qua,
Bị Tây Sơn đuổi, chạy ra nước ngoài.
Tự mình đã chẳng có tài,
Nhờ Tây qua cứu, tính bài giải vây.
Nay ta mất nước thế này,
Cũng vì vua Nguyễn rước Tây vào nhà.
Khác gì công rắn cắn gà,
Rước voi vậy mà, thiệt là ngu si³⁵.

Tuy nhiên, đánh giá tổng thể cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ánh - Gia Long, thì từ rất sớm, Nguyễn Ái Quốc đã viết trong bài *Lời than thở của Bà Trưng Trắc (Les lamentations de trung Trac)* đăng trên báo L'Humanité của Đảng Cộng sản Pháp số ra ngày 24-6-1922 lên án Khải Định, có đoạn hết lời ca ngợi vua Gia Long như sau: “Vội lòng quả cảm vô song và đức hạnh trong sáng không tì vết, như vàng ròng lấp lánh sau ngàn lần thử lửa, ông tổ người, vua Gia Long tôn quý và tài ba bội phần, sau biết bao thăng trầm và khổ đau vô bờ, đã để lại cho người một đất nước giàu có, một dân tộc độc lập, một quốc gia được kẻ mạnh vị nể và kẻ yếu kính mến, với một tương lai đầy sức sống và triển vọng”³⁶. ■

CHÚ THÍCH:

*. ThS., Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2002, tr.210.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđđ, 2002, tr.222.

3. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp ký*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995, tr.524, Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđđ, 2002, tr.220.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđđ, 2002, tr.219.

5. *Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc Thị gia phả*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2006, tr.75.

6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*,

Tập 1, Sđd, 2002, tr.222.

7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, 2002, tr.223.

8. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, 2002, tr.225.

9. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, Tập 3, 1993, tr.189. Lời khuyên của Mạc Ngọc Liên diễn ra vào tháng 7-1594. Sự kiện này cũng được Lê Quý Đôn chép trong *Đại Việt thông sử*. Xem *Lê Quý Đôn toàn tập*, *Đại Việt thông sử*, Tập 3, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978, tr.368, 369.

10. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, 2002, tr.212. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp ký*, Sđd, 1995, tr.489 cũng chép tương tự.

11. H.Cosserat, *Những người Pháp phục vụ vua Gia Long*, in trong: *Những người bạn cố đô Huế*, BAVH, Tập 4, 1917, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1998, tr.168-211.

12. Bá Đa Lộc, còn gọi là Bá Đa Lộc Bỉ Nhu, Bá Đa Lộc, Cha Cả, nguyên tên là Pierre Joseph Georges Pigneau de Behaine, thường viết là Pigneau de Behaine (1741 - 1799).

13. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, 2002, tr.218.

14. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, 2002, tr.223, 226.

15. Văn bản tiếng Pháp được in trong Ch.B.Maybon, *Histoire moderne du pays d'Annam (1592-1820)*, Paris, 1919, tr.409-411.

16. Thụy Khuê, *Vua Gia Long và người Pháp, khảo sát về ảnh hưởng của người Pháp trong giai đoạn triều Nguyễn*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2017, tr.344-345.

17. Ghi chú của J.B.Chaigneau về việc Hiệp ước Versailles không được thực thi và đội quân Pháp do Bá Đa Lộc tự tuyển mộ như sau: “Tuy nhiên, các binh lính được điều động đã không đi quá Pondichéry. Chỉ một tàu chiến cỡ trung dưới sự chỉ huy của ông de Rosily được vinh dự lãnh trách nhiệm đưa hoàng tử trẻ tuổi trở về... Vị giám mục (chỉ Bá Đa Lộc) trung thành không mang theo quân lính nhưng khi ở Ấn Độ, ông đã lôi kéo được hai thuyền của Pháp đi theo ông. A.Salles (1923), *Le Mémoire sur la Cochinchine de Jean-Baptiste Chaigneau*, Bulletin des Amis du Vieux Huế (B.A.V.H), 1923, p.257. Bản dịch: A.Salles (2002), *Biên khảo về xứ Đàng Trong của Jean Baptiste Chaigneau*, Phan Xung dịch, in trong *Những người bạn cố đô Huế*, B.A.V.H, Tập X, 1923, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2002, tr.290-291.

18. H.Cosserat (1998), *Tờ khai tử của Chaigneau và Vannier*, in trong: *Những người bạn cố đô Huế*, BAVH, T.6b, 1919, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.358-363.

19. L.Sogny, Hồ Phú Viên, *Tờ sắc phong của J.B.Chaigneau*, in trong: *Những người bạn cố đô Huế*, BAVH, Tập 2, 1915, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.440-443.

20. Nguyễn Đình Hòa, *Vài tư liệu về gia đình Chaigneau và Vannier*, in trong: *Những người bạn cố đô Huế*, BAVH, Tập 3, 1916, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.278-281.

21. H.Cosserat, *Tờ khai tử của Chaigneau và Vannier*, in trong: *Những người bạn cố đô Huế*, BAVH, Tập 6b, 1919, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1998, tr.358-363.

22. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.295-296.

23. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, 2002, tr.284.

24. Xem bản dịch bài hịch trong Phan Huy Lê, Đinh Xuân Lâm, “Một bài hịch của Quang Trung”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 79, 1965, tr.10-14.

25. Phan Huy Lê, “Công cuộc khôi phục thống nhất quốc gia cuối thế kỷ XVIII”, Tạp chí *Xưa&Nay*, số 486 (8-2017), tr.8.

26. Thụy Khuê, *Vua Gia Long và người Pháp, khảo sát về ảnh hưởng của người Pháp trong giai đoạn triều Nguyễn*, Sđd, 2017, tr.89.

27. Nguyễn Minh Tường, *Cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tr.37.

28. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, 2002, tr.566.

29. Nguyễn Quang Ngọc, “Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa – Trường Sa trong thời kỳ nhà Nguyễn thế kỷ XIX”, *Xưa&Nay*, số 486, tháng 8-2017, tr.13-14.

30. Đỗ Bang (chủ biên), Nguyễn Danh Phiệt, Nguyễn Quang Ngọc, Vũ Văn Quân, *Tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.36.

31. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, 2002, tr.950.

32. A.Salles, “Biên khảo về xứ Đàng Trong của Jean Baptiste Chaigneau”, Phan Xung dịch, in trong *Những người bạn cố đô Huế*, B.A.V.H, Tập X, 1923, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2002, tr.263.

33. Michael Đức Chaigneau, *Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michael Đức Chaigneau [Souvenirs de Huế (Cochinchine)]*, Sđd, 2016, tr.100.

34. Nhiều truyền thuyết lưu truyền trong dân gian hoặc được chép lại trong chính sử của nhà Nguyễn ghi nhận có sự giúp đỡ, bao bọc của người dân vùng Gia Định đối với Nguyễn Ánh.

35. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.226

36. Nguyên văn trên báo *L'Humanité*, 24 juin 1922: Avec un courage invincible et une vertu immaculée, qui furent comme le vrai or qui brille avec mille éclairs après avoir subi mille épreuves du feu, ton aïeul Gia Long, plusieurs fois noble et valeureux, vous a laissé, après des péripéties et des souffrances incalculable, un pays riche, un peuple indépendant, une nation respectée par les forts et aimée par les faibles, un avenir plein de vie et d'évolution. Xem Đào Hùng, Thủy Trường, “Sao lại tự tiện cắt bỏ một đoạn văn của Nguyễn Ái Quốc”, Tạp chí *Xưa&Nay*, số 408, tháng 8-2012, tr.30-31. Trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tập 1, 2002, tr.80, đoạn này bị cắt bỏ và thay bằng dấu ...